TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊNHUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 54/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị Diệu Hương.

***-Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 456/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019; Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số: 227/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 8 kiệt 30 đường L, phường P, thành phố Huế. Địa chỉ liên lạc: Số 15 kiệt 10 đường N, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Đăng M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 8 kiệt 30 đường L, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thanh L đều trình bày: Chị và anh Hồ Đăng M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế vào ngày 25/4/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng 10 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M không quan tâm gì đến vợ con, mặt khác còn hay ghen tuông, nghi ngờ vợ vô cớ nên từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay thì vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh M có 02 con chung là Hồ Thị Phương U, sinh ngày 22/1/1997 và Hồ Ngọc Quốc B, sinh ngày 17/01/2004, hiện cháu B đang ở với anh M. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu U đã đủ tuổi trưởng thành, đã kết hôn nên chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Đăng M không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 20/9/2019, anh Đặng Ngọc B (em trai của chị L) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L và anh M chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian dài. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng sống ly thân đã 6 tháng nay. Nay chị L xin ly hôn anh M thì đề nghị Toà án giải quyết cho chị L được ly hôn anh M.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2019, Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, thể hiện: Chị Đặng Thị Thanh L và anh Hồ Đăng M chung sống với nhau tại số nhà 8 kiệt 30 đường L, phường P, thành phố Huế. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh M chị L thì địa phương không nắm rõ. Nhưng hiện nay chị L đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh M vẫn cư trú tại số nhà 8 kiệt 30 đường L, phường P, thành phố Huế.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2019, cháu Hồ Ngọc Quốc B-con trai của anh M và chị L trình bày: Ngay từ khi biết nhận thức, cháu đã thấy ba mẹ cháu hay cãi nhau, sống không hạnh phúc, ba luôn tìm cách quấy rối mẹ, ba mẹ không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nếu ba mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh M, được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hồ Ngọc Quốc B, sinh ngày 17/01/2004 và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Đặng Thị Thanh L. Cho chị L được ly hôn với anh Hồ Đăng M.

Về con chung: Giao cháu Hồ Ngọc Quốc B, sinh ngày 17/01/2004 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; cháu Hồ Thị Phương U đã thành niên nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Buộc chị Đặng Thị Thanh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Thanh L khởi kiện xin ly hôn anh Hồ Đăng M. Nơi cư trú: Số 8 kiệt 30 đường L, phường P, thành phố Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Hồ Đăng M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Hồ Đăng M và chị Đặng Thị Thanh L có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 25/4/1996 (số 21/1996). Như vậy, hôn nhân giữa anh M và chị L là hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu ly hôn:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Thanh L đối với anh M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị L thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh M không quan tâm gì đến vợ con, hay ghen tuông, nghi ngờ vợ vô cớ nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay là phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được. Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh M và chị L không tồn tại.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, nhưng anh M vẫn không đến Toà án để làm việc, hòa giải và không tham gia xét xử tại phiên tòa, không liên lạc với chị L là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn để hòa giải đoàn tụ gia đình, nên mục đích hôn nhân là không thể đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa anh M và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị L, cho chị L được ly hôn anh M.

[2.3] Về con chung:

Chị L và anh M có hai con chung là Hồ Thị Phương U, sinh ngày 22/1/1997 và Hồ Ngọc Quốc B, sinh ngày 17/01/2004.

Đối với cháu Hồ Thị Phương U đến nay đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu B từ khi sinh ra và cho đến khi lớn lên đều ở với chị L và do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đến thời điểm tháng 1/2019, khi vợ chồng chị L anh M sống ly thân thì cháu B mới sống với ba nhưng cháu vẫn có nguyện vọng được ở với mẹ. Nhằm để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định tâm lý và phù hợp với nguyện vọng của cháu cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Hồ Ngọc Quốc B cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn*:* Do chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Đặng Thị Thanh L đối với anh Hồ Đăng M về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Đặng Thị Thanh L được ly hôn anh Hồ Đăng M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Hồ Ngọc Quốc B, sinh ngày 17/01/2004 cho chị Đặng Thị Thanh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 008656 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thị hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế